

KIẾN TRÚC TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM TỪ BẢN SẮC ĐẾN BẢN LĨNH HỘI NHẬP

VIETNAMESE TRADITIONAL ARCHITECTURE: FROM CULTURAL IDENTITY TO INTEGRATION CAPACITY

Trần Thị Thu Thủy - Giảng viên Trung tâm Đào tạo cơ sở Vinh Phúc - Trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội -
kxdtranthuy@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích kiến trúc truyền thống Việt Nam từ góc độ bản sắc đến bản lĩnh hội nhập. Trước hết, bản sắc kiến trúc được nhận diện như một thành tố quan trọng của văn hóa dân tộc, phản ánh sự sáng tạo và thích ứng của cộng đồng người Việt trong tiến trình lịch sử. Thông qua cơ sở lý luận quốc tế, học thuật và pháp lý, bài viết khẳng định giá trị bền vững của kiến trúc truyền thống trong việc lưu giữ bản sắc và tạo nền tảng cho sự phát triển hiện đại. Tiếp đó, bài viết làm rõ tầm quan trọng của bản sắc kiến trúc trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy vai trò của kiến trúc trong đời sống nhân dân, cũng như đóng góp vào sự phát triển con người và xã hội. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích bản lĩnh hội nhập của kiến trúc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa, thể hiện qua sự cân bằng giữa truyền thống và hiện đại, tiếp thu tinh hoa quốc tế nhưng vẫn giữ vững bản sắc dân tộc, đồng thời khẳng định vị thế kiến trúc Việt Nam trên trường quốc tế.

Từ khóa: Kiến trúc truyền thống Việt Nam; Bản sắc văn hóa; Bản lĩnh hội nhập.

1. Đặt vấn đề

Kiến trúc truyền thống Việt Nam là một thành tố quan trọng trong di sản văn hóa dân tộc, phản ánh sâu sắc quá trình hình thành, phát triển và thích ứng của cộng đồng người Việt trong dòng chảy lịch sử. Từ ngôi nhà tranh, đình làng, chùa chiền cho đến các công trình cung điện, thành quách, kiến trúc không chỉ là không gian sinh hoạt mà còn là sự kết tinh của tri thức bản địa, kỹ thuật xây dựng, mỹ cảm thẩm mỹ và thế giới quan của người Việt. Trong đó, bản sắc kiến trúc được biểu hiện qua sự hài hòa với tự nhiên, tinh thần cộng đồng, tính linh hoạt trong sử dụng vật liệu, cùng hệ thống hoa văn, biểu tượng gắn liền với tín ngưỡng và phong tục tập quán.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, kiến trúc Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức lớn. Một mặt, giao lưu văn hóa mở ra khả năng tiếp nhận các thành tựu khoa học - công nghệ và xu hướng thiết kế hiện đại; mặt khác,

Abstract: This article analyzes Vietnamese traditional architecture from the perspective of cultural identity to the capacity for integration. First, architectural identity is identified as an essential component of national culture, reflecting the creativity and adaptability of the Vietnamese people throughout history. Drawing upon international, academic, and legal foundations, the article affirms the sustainable value of traditional architecture in preserving cultural identity and providing a basis for modern development. It then highlights the significance of architectural identity in building an advanced Vietnamese culture imbued with national identity, promoting the role of architecture in social life, and contributing to human and societal development. On this basis, the article examines the integration capacity of Vietnamese architecture in the context of globalization, reflected in the balance between tradition and modernity, the selective absorption of international achievements, and the preservation of national identity, thereby affirming the position of Vietnamese architecture in the global arena.

Keywords: Vietnamese traditional architecture; cultural identity; integration capacity.

sự ảnh hưởng mạnh mẽ của kiến trúc ngoại lai có nguy cơ làm phai nhạt giá trị truyền thống, khiến nhiều công trình mất đi bản sắc dân tộc. Do đó, vấn đề đặt ra là cần nhận diện và khẳng định giá trị cốt lõi của kiến trúc truyền thống, từ đó phát huy bản lĩnh sáng tạo để hội nhập nhưng không hòa tan, hiện đại nhưng vẫn đậm đà bản sắc Việt. Đây không chỉ là yêu cầu về chuyên môn kiến trúc, mà còn là trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc trong thời kỳ đổi mới và hội nhập toàn cầu.

2. Sơ lược về kiến trúc truyền thống Việt Nam

Kiến trúc truyền thống là một bộ phận của văn hoá. Theo định nghĩa của UNESCO bản sắc văn hoá dân tộc là: “tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo (của các cá nhân và các cộng đồng) trong quá khứ cũng như trong hiện tại. Qua các thế kỷ, hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên hệ thống các giá trị, các truyền thống và các thị hiếu - những

yếu tố xác định đặc tính riêng của mỗi dân tộc” (Ủy ban Quốc gia về Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa, Bộ Văn hóa – Thông tin và thể thao, tr.23). Từ góc nhìn quốc tế này, các học giả trong nước cũng đưa ra những luận giải bổ sung. Kiến trúc sư Lê Thành Vinh nhấn mạnh rằng: “Tạo lập bản sắc tức là sáng tạo những sản phẩm văn hóa kế thừa truyền thống, đáp ứng các nhu cầu của con người và xã hội đương đại. Nếu như trong quá khứ, giá trị của truyền thống được tạo ra bởi những cốt liệu và nguồn lực của thời điểm đó, thì những sản phẩm văn hóa hiện tại có vai trò tạo lập bản sắc sẽ được tạo ra bởi cốt liệu truyền thống và nguồn lực của hiện tại” (Lê Thành Vinh, 2021). Ở Việt Nam, bản sắc kiến trúc không chỉ được tiếp cận từ góc độ học thuật mà còn được luật hóa. Căn cứ Điều 5 Luật Kiến trúc (2019) quy định: “Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc gồm đặc điểm, tính chất tiêu biểu, dấu ấn đặc trưng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa, nghệ thuật; thuần phong mỹ tục của các dân tộc; kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng, được thể hiện trong công trình kiến trúc, tạo nên phong cách riêng của kiến trúc Việt Nam” (Luật Kiến trúc 2019). Như vậy, từ phương diện quốc tế, học thuật và pháp lý, có thể khẳng định rằng mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đều sở hữu những dạng thức kiến trúc truyền thống mang dấu ấn nhận diện riêng, góp phần làm nên sự phong phú và đa dạng của văn hóa nhân loại.

Từ cơ sở lý luận này, có thể nhìn lại tiến trình hình thành và phát triển của kiến trúc truyền thống Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. Việt Nam là quốc gia có lịch sử phát triển lâu đời, trải qua hàng nghìn năm với nhiều biến cố, sự kiện và thăng trầm. Quá trình đó đã tạo nên những đặc trưng riêng biệt trong nền văn hóa truyền thống. Bên cạnh đó, nhờ vị trí địa lý đặc thù, Việt Nam trở thành điểm giao thoa của hai nền văn minh lớn ở châu Á là Ấn Độ và Trung Hoa, đồng thời giữ vai trò trung chuyển, giao thương giữa nhiều nền văn hóa khác, nên kiến trúc truyền thống vừa mang đậm tính bản địa vừa thể hiện sự tiếp thu yếu tố ngoại lai. Từ di sản của nền văn minh lúa nước Đông Sơn thể hiện qua nhà sàn, kỹ thuật đúc đồng và các họa tiết trên trống đồng, đến những công trình tôn giáo, cung đình và nhà dân trải qua các thời kỳ, kiến trúc Việt Nam luôn gắn bó mật thiết với cộng đồng làng xã, thích ứng với khí hậu nhiệt đới ẩm và phản ánh phong tục địa phương.

Trong gần một thiên niên kỷ dưới ách đô hộ phương Bắc, dù chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ kỹ thuật và mỹ thuật Trung Hoa, kiến trúc bản địa vẫn bảo tồn được những giải pháp thích nghi với khí hậu, đặc biệt là cấu trúc khung gỗ truyền thống.

Các di tích khảo cổ cho thấy sự giao thoa ấy nhưng cũng khẳng định tính bền bỉ của yếu tố bản địa. Từ thời Lý – Trần đến Hậu Lê, kiến trúc tôn giáo và cung đình phát triển rực rỡ với các công trình tiêu biểu như chùa Một Cột, tháp Phổ Minh, Văn Miếu – Quốc Tử Giám hay thành nhà Hồ. Đây là giai đoạn hình thành quy chuẩn về tỉ lệ, hình thức và trang trí mang đậm triết lý Á Đông, kết hợp hài hòa giữa công năng, thẩm mỹ và biểu tượng tinh thần.

Sang thời cận đại, từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX, sự tiếp xúc với kiến trúc phương Tây và quá trình đô thị hóa do thực dân Pháp mang tới đã thúc đẩy thay đổi rõ rệt. Mạng lưới phố thị, công trình công cộng, nhà ở nhiều tầng và phong cách tân cổ điển, kết hợp cùng vật liệu mới như gạch nung, sắt thép, xi măng đã làm nên một diện mạo đô thị khác biệt. Trong giai đoạn này, nổi bật là xu hướng “kiến trúc Đông Dương” – sự hòa trộn giữa phong cách châu Âu với giải pháp kiến trúc bản địa, nhằm thích nghi với khí hậu nhiệt đới qua mái hiên rộng, cửa hai lớp hay hệ thống thông gió tự nhiên.

Sau Cách mạng Tháng Tám và trong thời kỳ hiện đại hóa, kiến trúc Việt Nam phát triển theo hai nhánh khác biệt ở hai miền. Miền Bắc tập trung vào tính giản dị, tập thể và tiết kiệm vật liệu, trong khi miền Nam vẫn giữ nhiều yếu tố trang trí và cá thể hóa trong không gian đô thị. Từ sau Đổi mới, cùng với tiến trình hội nhập, kiến trúc Việt Nam bước vào giai đoạn đa dạng hóa mạnh mẽ: các công trình hiện đại, hậu hiện đại, phục cổ và cổ điển được xây dựng song song với những nỗ lực bảo tồn và phục dựng di sản truyền thống.

Ngày nay, bản sắc kiến trúc Việt Nam thể hiện ở sự dung hòa giữa cấu trúc khung gỗ truyền thống, quan niệm không gian linh hoạt, sự hài hòa với thiên nhiên cùng việc ứng dụng vật liệu và kỹ thuật hiện đại để đáp ứng nhu cầu xã hội. Đồng thời, quá trình đô thị hóa và toàn cầu hóa đang đặt ra cả thách thức và cơ hội trong việc gìn giữ giá trị truyền thống, đồng thời tạo lập những biểu đạt kiến trúc mới phù hợp với bối cảnh đương đại.

3. Tầm quan trọng của bản sắc kiến trúc truyền thống Việt Nam

Bản sắc kiến trúc truyền thống Việt Nam không chỉ là kết quả của tiến trình lịch sử, phản ánh sự sáng tạo của cha ông trong quá trình thích ứng với điều kiện tự nhiên và xã hội, mà còn là một thành tố quan trọng trong việc xây dựng nền văn hóa dân tộc. Ngay từ buổi đầu cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn nhận sâu sắc vai trò của kiến trúc đối với đời sống. Trong Thư gửi Hội nghị Kiến trúc sư toàn quốc năm 1948, Người khẳng định: “Trong 4 điều quan trọng cho dân sinh: Ở và đi lại là hai vấn

để cũng cần thiết như ăn và mặc, vì vậy, việc kiến trúc là một việc rất quan hệ...” (Hồ Chí Minh, 2011, tr.507). Lời căn dặn ấy không chỉ nêu bật tầm quan trọng của kiến trúc đối với dân sinh, mà còn gợi mở cho giới kiến trúc sư trách nhiệm kết hợp giữa giá trị truyền thống và yêu cầu hiện đại, nhằm phục vụ đời sống nhân dân và sự nghiệp phát triển đất nước.

Tầm quan trọng của bản sắc kiến trúc truyền thống Việt Nam được thể hiện trên nhiều phương diện.

Thứ nhất, kiến trúc truyền thống là một bộ phận cấu thành của bản sắc văn hóa dân tộc, gắn với phong tục, tập quán và lối sống cộng đồng. Những ngôi nhà sàn vùng cao, nhà ba gian hai chái ở đồng bằng, hay những công trình tôn giáo, cung đình, không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt mà còn thể hiện triết lý nhân sinh, quan niệm thẩm mỹ và tinh thần gắn kết cộng đồng. Chính qua kiến trúc, các thế hệ người Việt lưu giữ được dấu ấn của nền văn minh lúa nước, sự thích ứng linh hoạt với khí hậu nhiệt đới gió mùa, đồng thời tiếp thu và bản địa hóa các yếu tố ngoại lai để làm phong phú thêm đời sống văn hóa dân tộc.

Thứ hai, bản sắc kiến trúc truyền thống là nền tảng để phát triển kiến trúc đương đại có bản lĩnh và vị thế trong hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nguy cơ lai căng, mất gốc và sự đồng nhất hóa kiến trúc ngày càng lớn, việc kế thừa giá trị truyền thống trở thành yếu tố then chốt giúp kiến trúc Việt Nam vừa hiện đại, vừa đậm đà bản sắc dân tộc. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã nhấn mạnh nhiệm vụ: “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Đây là định hướng chiến lược, khẳng định văn hóa – trong đó có kiến trúc – vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Kiến trúc truyền thống, do đó, cần được nghiên cứu, bảo tồn và phát huy như một nguồn lực văn hóa để định hình bản sắc kiến trúc hiện đại Việt Nam.

Thứ ba, bản sắc kiến trúc truyền thống góp phần xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ phát triển bền vững. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã xác định: “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước”. Trong đó, việc bảo tồn và phát huy giá trị kiến trúc truyền thống không chỉ nhằm lưu giữ di sản vật chất, mà còn khơi dậy niềm tự hào, ý thức trách nhiệm và tinh thần sáng tạo của thế hệ trẻ. Khi kiến trúc đương đại tiếp nối và làm giàu thêm những giá trị truyền thống, nó sẽ góp phần nuôi dưỡng bản lĩnh văn hóa, nâng cao gu thẩm mỹ và tạo dựng môi trường sống nhân văn, bền vững cho xã hội.

Như vậy, bản sắc kiến trúc truyền thống Việt Nam có tầm quan trọng đặc biệt, vừa là kết tinh giá trị lịch sử – văn hóa, vừa là nền tảng để phát triển kiến trúc hiện đại có bản lĩnh trong hội nhập, đồng thời là nguồn lực tinh thần để xây dựng con người và xã hội Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới. Việc nhận thức đầy đủ và phát huy giá trị ấy không chỉ là trách nhiệm của giới kiến trúc sư và nhà quản lý, mà còn là của toàn xã hội, nhằm gìn giữ bản sắc dân tộc trong dòng chảy toàn cầu hóa.

4. Bản lĩnh hội nhập của kiến trúc Việt Nam

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, kiến trúc Việt Nam đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn. Bản lĩnh hội nhập của kiến trúc Việt Nam không chỉ được khẳng định qua việc tiếp thu tinh hoa nhân loại, mà quan trọng hơn là khả năng bảo tồn, phát huy bản sắc dân tộc trong dòng chảy phát triển hiện đại. Kiến trúc, với tư cách là một thành tố quan trọng của văn hóa, không chỉ góp phần tạo dựng không gian sống mà còn thể hiện tư duy thẩm mỹ, triết lý nhân sinh và sức sáng tạo của dân tộc trong từng giai đoạn lịch sử. Chính vì vậy, hội nhập quốc tế đòi hỏi kiến trúc Việt Nam phải vừa mở rộng giao lưu, học hỏi những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, ý tưởng thiết kế mới, vừa kiên định trong việc giữ gìn phong cách và dấu ấn văn hóa đặc trưng, để kiến trúc Việt Nam có thể đóng góp một cách xứng đáng vào bức tranh đa sắc màu của kiến trúc thế giới.

Một dấu mốc quan trọng khẳng định tầm nhìn chiến lược của Nhà nước đối với vấn đề này là Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 19/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050”. Văn kiện này đã đề ra những định hướng cơ bản, trong đó nhấn mạnh mục tiêu xây dựng nền kiến trúc hiện đại, tiên tiến nhưng vẫn thấm đẫm bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Đây không chỉ là kim chỉ nam cho giới kiến trúc sư, nhà quản lý mà còn thể hiện sự quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong việc đưa kiến trúc trở thành một lĩnh vực vừa mang giá trị nghệ thuật, vừa đóng góp trực tiếp vào công cuộc phát triển đất nước. Theo tinh thần này, kiến trúc Việt Nam phải tạo ra những công trình vừa tiện ích, bền vững, hiện đại, vừa tôn vinh được giá trị lịch sử, truyền thống, góp phần định vị rõ nét bản lĩnh văn hóa trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

Trên thực tế, quá trình hội nhập của kiến trúc Việt Nam đã và đang diễn ra mạnh mẽ với nhiều sự kiện mang tầm quốc tế. Một ví dụ điển hình là EXPO Kiến trúc 2023 với chủ đề: “Kiến trúc - Tạo lập không gian bền vững cho cộng đồng”. Đây là diễn đàn quốc tế quan trọng, quy tụ các nhà kiến

trúc, chuyên gia và tổ chức từ nhiều quốc gia, nhằm chia sẻ xu hướng, kinh nghiệm và giải pháp phát triển kiến trúc bền vững. Đối với Việt Nam, sự kiện này không chỉ là cơ hội quảng bá những thành tựu kiến trúc tiêu biểu, mà còn là dịp để giới kiến trúc sư trong nước tiếp cận các xu hướng thiết kế mới, từ đó nâng cao năng lực sáng tạo và khẳng định vị thế trên trường quốc tế. Đồng thời, EXPO 2023 cũng nhấn mạnh vai trò của kiến trúc trong việc xây dựng các đô thị xanh, đô thị thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu – những vấn đề toàn cầu mà Việt Nam cũng đang phải đối mặt.

Bản lĩnh hội nhập của kiến trúc Việt Nam còn được thể hiện ở khả năng cân bằng giữa truyền thống và hiện đại. Nếu như trong quá khứ, kiến trúc truyền thống Việt Nam được hình thành từ điều kiện tự nhiên, phong tục, tập quán và triết lý phương Đông, thì trong giai đoạn hiện nay, kiến trúc cần phải biết phát huy những giá trị đó trong điều kiện công nghệ mới, vật liệu mới và tư duy thiết kế toàn cầu. Nhiều công trình kiến trúc hiện đại tại Việt Nam đã khéo léo lồng ghép yếu tố truyền thống, như sử dụng chất liệu tre, gỗ, gạch nung trong bối cảnh mới, hay tái hiện hình ảnh mái đình, mái chùa trong các thiết kế đương đại. Có thể kể đến Nhà hát Lớn Hà Nội – biểu tượng giao thoa Đông – Tây, vừa mang dấu ấn kiến trúc Pháp cổ điển vừa trở thành một phần không thể thiếu trong bản sắc đô thị Hà Nội; Bảo tàng Quảng Ninh với thiết kế khối hộp đen gợi hình ảnh than đá – đặc trưng của vùng đất mỏ, đồng thời kết hợp không gian mở hiện đại để phục vụ cộng đồng; hay Bamboo Wing (Đại Lải, Vĩnh Phúc) do kiến trúc sư Võ Trọng Nghĩa thiết kế, khai thác tối đa vật liệu tre truyền thống trong hình thức đương đại, được quốc tế đánh giá cao. Bên cạnh đó, nhiều khu đô thị xanh và công trình công cộng hiện đại cũng chú trọng phát huy giá trị bản địa, vừa đảm bảo công năng, vừa thể hiện sự bền vững và bản sắc. Điều này không chỉ tạo ra dấu ấn riêng biệt, mà còn giúp kiến trúc Việt Nam giữ được “hồn cốt” của dân tộc khi bước ra thế giới.

Hội nhập quốc tế cũng đòi hỏi đội ngũ kiến trúc sư Việt Nam phải không ngừng nâng cao trình độ, mở rộng tầm nhìn và phát triển bản lĩnh nghề nghiệp. Việc tham gia vào các hiệp hội kiến trúc quốc tế, dự các giải thưởng quốc tế, hay hợp tác trong các dự án xuyên quốc gia chính là cách để khẳng định năng lực và vị thế của kiến trúc sư Việt Nam. Tuy nhiên, quan trọng hơn cả là giữ vững lập trường: hội nhập nhưng không hòa tan, phát triển nhưng không đánh mất bản sắc. Đây chính là thước đo của bản lĩnh kiến trúc Việt Nam trong thời kỳ mới.

5. Kết luận

Kiến trúc truyền thống Việt Nam là kết tinh của quá trình lịch sử lâu dài, phản ánh sự sáng tạo, thích ứng và bản lĩnh văn hóa của dân tộc. Trong dòng chảy toàn cầu hóa, việc nhận thức đúng đắn và phát huy giá trị kiến trúc truyền thống không chỉ nhằm bảo tồn di sản, mà còn là nền tảng để kiến trúc Việt Nam phát triển hiện đại, hội nhập quốc tế mà vẫn giữ vững bản sắc. Các định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước, như Nghị quyết Trung ương về văn hóa hay Quyết định số 1246/QĐ-TTg năm 2021, cùng với các sự kiện quốc tế như EXPO Kiến trúc 2023, đã khẳng định vai trò trọng yếu của kiến trúc trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Bản lĩnh hội nhập của kiến trúc Việt Nam chính là khả năng dung hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa dân tộc và quốc tế, tạo ra những không gian sống vừa tiện nghi, bền vững vừa mang đậm “hồn cốt” dân tộc. Đây là con đường để kiến trúc Việt Nam khẳng định vị thế, đóng góp tích cực vào sự phát triển văn hóa và xã hội trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. (1998). Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2014). Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.
2. Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập: Tập 5. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.
3. Luật Kiến trúc. (2019). Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
4. Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định số 1246/QĐ-TTg phê duyệt “Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050”. Hà Nội.
5. Ủy ban Quốc gia về Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa, Bộ Văn hóa – Thông tin và Thể thao. (1992). Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa. Hà Nội: Nxb Văn hóa – Thông tin.
6. Lê Thành Vinh. (2021). Bản sắc kiến trúc và sự phát triển đương đại. Nxb Xây dựng.